

ĐIỀU LỆ CẬP NHẬT CỦA

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP PHÁT

(BẢN CẬP NHẬT ĐƯỢC ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2021 THÔNG QUA)

MỤC LỤC

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG	4
ĐIỀU 1: HÌNH THỨC CỦA CÔNG TY	4
ĐIỀU 2: NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH	4
ĐIỀU 3: TÊN CÔNG TY	5
ĐIỀU 4: TRỤ SỞ - VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN	5
ĐIỀU 5: THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG – NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT	5
CHƯƠNG II VỐN ĐIỀU LỆ – CỔ PHẦN – CỔ ĐÔNG – CỔ PHIẾU	6
ĐIỀU 6: VỐN ĐIỀU LỆ	6
ĐIỀU 7: QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG	6
ĐIỀU 8: NGHĨA VỤ CỔ ĐÔNG	7
ĐIỀU 9: CỔ PHIẾU	8
ĐIỀU 10: MUA LẠI CỔ PHẦN	8
ĐIỀU 11: PHÂN CHIA LỢI NHUẬN – TRẢ CỔ TỨC – CHUYỂN LỖ	8
CHƯƠNG III CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ	9
ĐIỀU 12: CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY	9
ĐIỀU 13: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
ĐIỀU 14: THẨM QUYỀN TRIỆU TẬP HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
ĐIỀU 15: THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	11
ĐIỀU 16: THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	12
ĐIỀU 17: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	15
ĐIỀU 18: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	16
ĐIỀU 19: QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT	17
ĐIỀU 20: GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ BAN ĐIỀU HÀNH	18
ĐIỀU 21: NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY	19
ĐIỀU 22: THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT	19
CHƯƠNG IV TỔNG KẾT – GIẢI THỂ - GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP	19
ĐIỀU 23: TỔNG KẾT	19
ĐIỀU 24: GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY	19
ĐIỀU 25: NGUYÊN TẮC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP	20
CHƯƠNG V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	20
ĐIỀU 26: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	20

ĐIỀU LỆ CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP PHÁT

Căn cứ Luật Doanh Nghiệp Số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh Nghiệp;

Hôm nay, ngày 27 tháng 04 năm 2021, ĐHĐCĐ của CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP PHÁT thông qua nội dung của bản Điều Lệ này.

Bản cập nhật Điều Lệ này chi phối toàn bộ những vấn đề về tổ chức và hoạt động của CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP PHÁT.

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1: HÌNH THỨC CỦA CÔNG TY

- 1.1 Giữa chủ sở hữu cổ phần dưới đây và chủ sở hữu của các cổ phần phát hành sau này có thành lập một công ty cổ phần được chi phối bởi pháp luật hiện hành và bản Điều Lệ này;
- 1.2 Công Ty được thành lập và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Luật Doanh Nghiệp, trong đó các Cổ Đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số Cổ Phần nắm giữ trong Công Ty;
- 1.3 Công Ty là một tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân thành lập và hoạt động phù hợp với Pháp Luật, có con dấu riêng, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về kinh tế.

ĐIỀU 2: NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH

- 2.1 Công Ty kinh doanh những ngành nghề sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh Chi tiết: Chế biến nguyên liệu cao su (Không sản xuất hóa chất tại trụ sở)	2013
2	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Xuất khẩu trái cây tươi - chế biến và đông lạnh; hải sản chế biến do Công Ty sản xuất (Không hoạt động tại trụ sở)	4632
3	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô. Cho thuê xe có động cơ khác.	7710
4	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kinh doanh kho lạnh. Cho thuê kho và nhà xưởng.	5210
5	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Chế biến thủy hải sản.	1020
6	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Chế biến thực phẩm.	1030
7	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
8	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý ký gởi hàng hóa.	4610
9	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Buôn bán tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng (thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy Ban Nhân Dân TP. Hồ Chí Minh quy	4669

	hoạch về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh)	
10	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Nhập khẩu thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất các mặt hàng xuất khẩu trên của Công Ty.	8299

- 2.2 ĐHĐCĐ có quyền sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh trong quá trình hoạt động của Công Ty;
- 2.3 Phạm vi hoạt động nhằm tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nội địa và xuất khẩu phục vụ mục đích của Công Ty theo Luật định;
- 2.4 Liên kết, liên doanh với các đơn vị thuộc các thành phần kinh tế trong nước và ngoài nước để tổ chức sản xuất hay mở rộng.

ĐIỀU 3: TÊN CÔNG TY

- 3.1 Tên Công Ty bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP PHÁT**
- 3.2 Tên Công Ty viết tắt: **HIFACO**

ĐIỀU 4: TRỤ SỞ - VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

- 4.1 Trụ Sở chính của Công Ty đặt tại: **số 324 đường Tân Kỳ Tân Quý, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, Tp.HCM, Việt Nam**
- 4.2 Nhà máy chế biến: 141 Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình, Tp. HCM, Việt Nam
- 4.3 Văn phòng đại diện: **CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP PHÁT – VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**
Địa chỉ văn phòng đại diện: X04.79 Tầng 4, Sunrise City North, 27 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- 4.4 Trụ sở này có thể dời đi nơi khác trong phạm vi TP.HCM theo quyết định của ĐHĐCĐ và được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

ĐIỀU 5: THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG – NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

- 5.1 Thời gian hoạt động của Công Ty là 20 năm kể từ ngày được chính thức thành lập. Công Ty có thể được gia hạn nhiều lần, mỗi lần 05 năm và có thể giải thể trước thời hạn bằng một Quyết định bất thường của ĐHĐCĐ theo Điều 24 của bản Điều Lệ này;
- 5.2 Người đại diện theo pháp luật:

Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật duy nhất của Công Ty, với các thông tin cụ thể sau:

- Bà: **LÂM THỊ TUYẾT HƯƠNG**
- CCCD: **079167012946** cấp ngày 09/12/2019 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Sinh ngày: **04/6/1967**
- Quốc tịch: **Việt Nam**

CHƯƠNG II VỐN ĐIỀU LỆ – CỔ PHẦN – CỔ ĐÔNG – CỔ PHIẾU

ĐIỀU 6: VỐN ĐIỀU LỆ

- 6.1 Vốn Điều Lệ của Công Ty là 35.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ đồng). Vốn Điều Lệ của Công Ty được chia làm 17.500 (Mười bảy nghìn năm trăm) Cổ Phần Phổ Thông. Mệnh giá là 2.000.000 (Hai triệu) đồng/ Cổ Phần Phổ Thông;
- (a) Vốn hiện kim: 27.862.000.000 VNĐ;
 - (b) Vốn hiện vật: 7.138.000.000 VNĐ;
- 6.2 Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về Cổ Đông của Công Ty vào từng thời điểm được thể hiện trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông của Công Ty và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty;
- 6.3 Vốn của Công Ty được điều chỉnh theo sát tình hình từng thời kỳ để đảm bảo quyền lợi của Cổ Đông và đáp ứng yêu cầu kinh doanh của Công Ty. Khi vốn của Công Ty tăng hoặc giảm phải do ĐHĐCĐ quyết định và phải được đăng ký với Sở kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM theo Luật định;
- 6.4 Danh sách Cổ Đông sáng lập được đính kèm theo Điều Lệ này.

ĐIỀU 7: QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG

Người sở hữu một cổ phần phổ thông gọi là Cổ Đông Phổ Thông của Công Ty.

- 7.1 Quyền của Cổ Đông Phổ Thông:
- (a) Tham dự, phát biểu và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Mỗi cổ phần phổ thông là một phiếu biểu quyết;
 - (b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ;
 - (c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông;
 - (d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 và khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - (e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách Cổ Đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - (f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công Ty, biên bản họp ĐHĐCĐ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ;
 - (g) Khi Công Ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu tại Công Ty.
- 7.2 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau đây:
- (a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - (b) Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong trường hợp quy định tại Điều 7.3 Điều Lệ này;

- (c) Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - (d) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và bản Điều Lệ này.
- 7.3 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 7.2 bản Điều Lệ này có quyền yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:
- (a) HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ Đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - (b) Nhiệm kỳ của HĐQT đã vượt quá 06 tháng mà HĐQT mới chưa được bầu thay thế;
 - (c) Trường hợp khác theo quy định của bản Điều Lệ này;
- Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được lập bằng văn bản. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của HĐQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
- 7.4 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 10% tổng số Cổ Phần Phổ Thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT, BKS, việc đề cử người vào HĐQT và BKS thực hiện như sau:
- (a) Các Cổ Đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và BKS phải thông báo về việc họp nhóm cho các Cổ Đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;
 - (b) Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và BKS, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT và BKS. Trường hợp số ứng cử viên được Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, BKS và các Cổ Đông khác đề cử.
- 7.5 Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và bản Điều Lệ này.

ĐIỀU 8: NGHĨA VỤ CỔ ĐÔNG

- 8.1 Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công Ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công Ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ Đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ Đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công Ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
- 8.2 Chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty;
- 8.3 Tuân thủ bản Điều Lệ này và quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;
- 8.4 Chấp hành nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- 8.5 Bảo mật các thông tin được Công Ty cung cấp theo quy định tại bản Điều Lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của

mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;

8.6 Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Bản Điều lệ này.

ĐIỀU 9: CỔ PHIẾU

- 9.1 Cổ phiếu là chứng chỉ do Công Ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Cổ Đông;
- 9.2 Nội dung và hình thức của Cổ phiếu được thực hiện theo pháp luật hiện hành và bản Điều Lệ này; trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức Cổ Phiếu do Công Ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng;
- 9.3 Cổ phần được chuyển nhượng theo thủ tục, trình tự quy định của Luật Doanh nghiệp đồng thời được HĐQT chấp thuận;
- 9.4 Trường hợp Cổ Phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì Cổ Đông phải báo ngay cho Công Ty và có quyền đề nghị Công Ty cấp lại Cổ Phiếu và trả phí do Công Ty quy định;
- 9.5 Công Ty tôn trọng quyền thừa kế cổ phiếu theo Luật định, nhưng nếu có nhiều người cùng thừa kế thì phải cử một (01) người đại diện đứng tên giao dịch với Công Ty. Người thừa kế cổ phiếu phải tuân thủ các quy định của Nhà nước, Điều lệ Công Ty và Quyết định của HĐQT.

ĐIỀU 10: MUA LẠI CỔ PHẦN

- 10.1 Cổ Đông có quyền đề nghị Công Ty mua lại cổ phần của mình, trong trường hợp Cổ Đông nào đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công Ty hoặc thay đổi quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại bản Điều Lệ này – yêu cầu, đề nghị phải lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ, số lượng cổ phần từng loại và giá dự định bán, lý do đề nghị Công Ty mua lại và gửi đến Công Ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua các vấn đề đã nêu trên;
- 10.2 Công Ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:
 - (a) HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định;
 - (b) HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 10.2(c) bản Điều Lệ này;
 - (c) Công Ty có thể mua lại cổ phần của từng Cổ Đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của Cổ Đông đó trong Công Ty theo thủ tục, trình tự của Luật Doanh nghiệp.

ĐIỀU 11: PHÂN CHIA LỢI NHUẬN – TRẢ CỔ TỨC – CHUYỂN LỖ

- 11.1 Cổ tức trả cho Cổ Phần Phổ Thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công Ty. ĐHĐCĐ quyết định về việc chi trả cổ tức và phải đảm bảo đủ các điều kiện sau đây:
 - (a) Công Ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - (b) Đã trích lập các quỹ Công Ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật

và Điều lệ Công Ty;

- (c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công Ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

11.2 Lãi ròng thực hiện mỗi niên khoa được phân phối như sau:

(a) Các quỹ Công Ty:

- (i) Quỹ phát triển sản xuất 10%
- (ii) Quỹ khen thưởng CNV và quản trị viên HĐQT 10%
- (iii) Quỹ phúc lợi 5%
- (iv) Quỹ dự trữ bắt buộc cho đến khi số dư quỹ này bằng 1/10 vốn điều lệ 5%

(b) Trả cổ tức: số lãi còn lại sau khi trích các Quỹ Công Ty được phân phối cho Cổ Đông.

- (i) Nếu số lãi còn lại quá cao thì HĐQT kiến nghị ĐHĐCĐ để có thể biểu quyết và quyết định giữ lại một phần lãi để tái đầu tư mở rộng sản xuất;
- (ii) Nếu Công Ty có những dự án mới, có khả năng sinh lợi thì theo kiến nghị HĐQT được ĐHĐCĐ chấp thuận, Công Ty sẽ không chia cổ tức cho Cổ Đông.

11.3 HĐQT lập danh sách Cổ Đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả. Thông báo về trả cổ tức được gửi đến Cổ Đông chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức;

11.4 Cổ Đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Cổ Đông và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức trực tiếp từ Công Ty;

11.5 Chuyển lỗ: Năm nào kinh doanh bị lỗ thì Công Ty sẽ chuyển số lỗ sang năm sau để bù trừ vào thu nhập chịu thuế, thời gian được chuyển lỗ sẽ không quá năm (05) năm.

CHƯƠNG III CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ

ĐIỀU 12: CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công Ty gồm có:

- Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”);
- Hội đồng quản trị (“HĐQT”);
- Giám đốc;
- Các chức danh quản lý quan trọng khác (nếu có);
- Ban kiểm soát (“BKS”).

ĐIỀU 13: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

13.1 ĐHĐCĐ gồm tất cả Cổ Đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty;

13.2 ĐHĐCĐ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- (a) Quyết định mức cổ tức hằng năm, Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán, hoặc Công Ty đứng ra mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán;
- (b) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Công Ty, hoặc điều chỉnh Vốn Điều Lệ, tổ chức lại hoặc giải thể Công Ty;
- (c) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;
- (d) Quyết định ủy quyền cho HĐQT thay mặt ĐHĐCĐ hành xử các quyền và nghĩa vụ của mình, trong trường hợp nếu do tình hình thị trường mà Công Ty phải có những biện pháp thích ứng. Việc ủy quyền có thời hạn và phải được 65% tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông dự họp chấp thuận;
- (e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS và xem xét, xử lý các vi phạm của HĐQT, của BKS khi gây thiệt hại cho Công Ty và Cổ Đông của Công Ty;
- (f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm. Thông qua định hướng phát triển của Công Ty;
- (g) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT, BKS; Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động HĐQT, BKS;
- (h) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- (i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và bản Điều Lệ này.

ĐIỀU 14: THẨM QUYỀN TRIỆU TẬP HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

14.1 ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường.

14.2 ĐHĐCĐ thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- (a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;
- (b) Báo cáo tài chính hằng năm;
- (c) Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;
- (d) Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của Công Ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;
- (e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và của từng Kiểm soát viên;
- (f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- (g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

14.3 HĐQT phải tiến hành triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

- (a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty;
 - (b) Số thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - (c) Theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 7.2 bản Điều Lệ này;
 - (d) Theo yêu cầu của BKS;
 - (e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và bản Điều Lệ này.
- 14.4 HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại ít hơn số thành viên như quy định tại Điều 14.3(b) hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 14.3(c) hoặc Điều 14.3(d) bản Điều Lệ này. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công Ty;
- 14.5 Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 14.4 bản Điều Lệ này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, BKS thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh Nghiệp. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công Ty;
- 14.6 Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 14.5 bản Điều Lệ này thì Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 7.2 bản Điều Lệ này có quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Điều Lệ này;
- 14.7 HĐQT, BKS, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 7.2 Điều Lệ này khi triệu tập ĐHĐCĐ phải chịu trách nhiệm chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp và phải lập danh sách Cổ Đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ và gửi giấy mời chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc; kèm theo giấy mời phải có chương trình họp và tài liệu thảo luận để thông qua quyết định;
- 14.8 Danh sách Cổ Đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên danh sách đăng ký Cổ Đông của Công Ty. Danh sách Cổ Đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ;
- 14.9 Cổ Đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho Cổ Đông khác dự họp ĐHĐCĐ;
- 14.10 Chỉ có ĐHĐCĐ mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được đưa ra và đã gửi cho các Cổ Đông dự họp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Việc thay đổi được quyết định khi cuộc họp bắt đầu.

ĐIỀU 15: THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- 15.1 Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số Cổ Đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết;
- 15.2 Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành thì cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ Đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết;
- 15.3 Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành thì cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu

biểu quyết của các Cổ Đông dự họp;

- 15.4 Cổ Đông tham dự ĐHĐCĐ khi biểu quyết được tính số phiếu dựa trên số cổ phần mà họ sở hữu;
- 15.5 Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua tại cuộc họp được lập thành văn bản có hiệu lực thi hành đối với các Cổ Đông trong Công Ty kể cả các Cổ Đông vắng mặt hoặc bất đồng ý kiến.

ĐIỀU 16: THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

16.1 Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ:

- (a) ĐHĐCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản;
- (b) Nghị quyết của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ:
 - (i) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều Lệ này;
 - (ii) Định hướng phát triển Công Ty;
 - (iii) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - (iv) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS;
 - (v) Quyết định đầu tư hoặc bán lại tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% Tổng Giá Trị Tài Sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;
 - (vi) Thông qua Báo Cáo Tài Chính Thường Niên;
 - (vii) Tổ chức lại và giải thể Công Ty.

16.2 Điều kiện để nghị quyết được thông qua

- (a) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được Cổ Đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Cổ Đông dự họp tán thành:
 - (i) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - (ii) Quyết định việc thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - (iii) Quyết định việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty;
 - (iv) Thông qua dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% Tổng Giá Trị Tài Sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;
 - (v) Quyết định ủy quyền có thời hạn cho HĐQT thay mặt ĐHĐCĐ hành xử các quyền và nghĩa vụ của mình, trong trường hợp nếu do tình hình thị trường mà Công Ty phải có những biện pháp thích ứng;
 - (vi) Quyết định việc tổ chức lại Công Ty.
- (b) Nghị quyết về việc giải thể Công Ty được thông qua nếu được Cổ Đông đại diện ít nhất 3/4 Vốn Điều Lệ tán thành;
- (c) Các nghị quyết khác được thông qua khi được số Cổ Đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Cổ Đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy

định tại điểm (a) (b) (d) Điều 16.2 Điều lệ này;

- (d) Việc biểu quyết bầu Thành Viên HĐQT và BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và Cổ Đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty;
 - (e) Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số Cổ Đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.
- 16.3 Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông báo đến các Cổ Đông có quyền dự họp hoặc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua;
- 16.4 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ
- (a) HĐQT có quyền lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty, trừ trường hợp quy định tại Điều 16.1 (b) của Bản Điều lệ này;
 - (b) HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các Cổ Đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.
 - (c) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung sau đây:
 - (i) Tên, địa chỉ Trụ Sở, số và ngày cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
 - (ii) Mục đích lấy ý kiến;
 - (iii) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - (iv) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
 - (v) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - (vi) Thời hạn phải gửi về Công Ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - (vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT;
 - (d) Cổ Đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công Ty theo một trong các hình thức sau đây:
 - (i) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ Đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được đựng trong

phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu chính thức.

- (ii) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
- (e) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
- (f) HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của Cổ Đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (i) Tên, địa chỉ Trụ Sở, mã số doanh nghiệp;
 - (ii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - (iii) Số Cổ Đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ Đông tham gia biểu quyết;
 - (iv) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - (v) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - (vi) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
- (g) Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- (h) Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các Cổ Đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày hoàn thành kiểm phiếu hoặc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty.
- (i) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại Trụ Sở.
- (j) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHCĐ.

16.5 Hiệu lực của nghị quyết của ĐHCĐ

- (a) Các nghị quyết của ĐHCĐ có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc thời điểm hiệu lực ghi tại quyết định đó;
- (b) Các nghị quyết của ĐHCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và bản Điều Lệ này;
- (c) Trường hợp Cổ Đông, nhóm Cổ Đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ quyết định của ĐHCĐ, thì các quyết định đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi có quyết

định huỷ bỏ nghị quyết đó của Toà án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

ĐIỀU 17: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 17.1 HĐQT là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi Công Ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ mà không được uỷ quyền. Công Ty được quản trị bằng một HĐQT gồm bốn (04) quản trị viên do ĐHĐCĐ tuyển chọn và bầu trong số Cổ Đông có đủ năng lực pháp lý theo Luật định;
- 17.2 Thành phần HĐQT gồm có:
- (a) Một Chủ tịch;
 - (b) Một Phó chủ tịch;
 - (c) Một Quản trị viên nghiên cứu tổ chức sản xuất;
 - (d) Một Quản trị viên nghiên cứu và phát triển.
- 17.3 Nhiệm vụ và quyền hạn
- (a) Quyết định chiến lược phát triển của Công Ty, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;
 - (b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - (c) Quyết định phương án đầu tư, giải pháp phát triển, thông qua các Hợp đồng mua bán, vay, cho vay và Hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính của Công Ty. Trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ và trường hợp khác theo Luật định;
 - (d) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được chuyển chào bán, xét duyệt chuyển nhượng cổ phần, huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - (e) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công Ty;
 - (f) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản trị nội bộ của Công Ty, thành lập Công Ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện...
 - (g) Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán trong 12 tháng;
 - (h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT, bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với các chức danh Giám đốc và các nhân viên quản lý quan trọng khác của Công Ty. Quyết định mức lương và các lợi ích khác của các nhân viên trong Cty trên cơ sở chấp hành theo Luật định;
 - (i) Trình báo quyết toán tài chính hàng năm lên ĐHĐCĐ;
 - (j) Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - (k) Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, các nhân viên quản lý trong hệ thống cty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và các đơn vị trực thuộc;
 - (l) Triệu tập ĐHĐCĐ, duyệt nội dung tài liệu phục vụ họp, thực hiện các thủ tục hỏi ý

kiến đề ĐHĐCĐ thông qua và quyết định;

- (m) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công Ty;
 - (n) Quyết định số lượng, hình thức, nội dung và mẫu con dấu, việc quản lý và sử dụng con dấu;
 - (o) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và bản Điều Lệ này.
- 17.4 Nhiệm kỳ HĐQT là ba (03) năm và có thể tái cử. Trong nhiệm kỳ giữa hai ĐHĐCĐ nếu có khuyết Quản trị viên thì HĐQT có thể cử một Quản trị viên lâm thời thay thế, nhưng phải trình lên ĐHĐCĐ phê chuẩn vào kỳ họp gần nhất. Sinh hoạt của Quản trị viên lâm thời HĐQT vẫn có hiệu lực trong quá trình làm việc đến khi trình lên ĐHĐCĐ phê chuẩn quyết định;
- 17.5 HĐQT họp thường kỳ mỗi quý một (01) lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường. Cuộc họp HĐQT sẽ được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ tọa và thư ký sẽ liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp HĐQT. Chữ ký của hai người này là đủ để cho Biên bản có giá trị.
- Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định thì biên bản này có hiệu lực. Những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản.
- Quyết định của HĐQT được thông qua nếu đa số thành viên trong HĐQT chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau, quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT;
- 17.6 HĐQT chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về những sai phạm trong quản trị Công Ty, vi phạm Điều Lệ, vi phạm pháp luật gây thiệt hại cho Công Ty. Quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định. Thù lao và các chi phí khác của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định cho mỗi tài khóa.

ĐIỀU 18: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 18.1 Chủ tịch do HĐQT bầu ra trong số các thành viên HĐQT. Chủ tịch có thể kiêm Giám Đốc Công Ty. Nhiệm kỳ của Chủ tịch HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT và có thể tái cử vô giới hạn;
- 18.2 Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- (a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - (b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa các cuộc họp HĐQT;
 - (c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của HĐQT;
 - (d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT;
 - (e) Chủ tọa họp ĐHĐCĐ;
 - (f) Quy định phương pháp làm việc trong HĐQT và phân công công tác của các thành viên;
 - (g) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và bản Điều Lệ này.
- 18.3 Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch

HDQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HDQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HDQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HDQT.

ĐIỀU 19: QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT

- 19.1 Ban Kiểm Soát của Công Ty có ba (03) thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra. Một Trưởng ban phải là Cổ Đông và hai Kiểm soát viên. Trong đó, Trưởng BKS phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công Ty. Ban Kiểm Soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Nhiệm kỳ của BKS dài hơn của HDQT là ba (03) tháng. Thù lao và các chi phí khác của BKS do ĐHĐCĐ quyết định cho mỗi tài khoá;
- 19.2 Ban Kiểm Soát có các quyền và nhiệm vụ sau:
- (a) BKS thực hiện giám sát HDQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công Ty;
 - (b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và báo cáo tài chính hàng năm của Công Ty;
 - (c) Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quy định của ĐHĐCĐ;
 - (d) Thường xuyên thông báo với HDQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến HDQT trước khi họp ĐHĐCĐ;
 - (e) Triệu tập họp ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết;
 - (f) Quyền được HDQT, Giám Đốc và các nhân viên quản lý khác cung cấp kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công Ty;
 - (g) Tham gia các phiên họp của HDQT và các cuộc họp khác của Công Ty nhưng không được quyền biểu quyết;
 - (h) Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về những sai phạm của mình trong quá trình thực hiện nhiệm vụ - Chỉ có ĐHĐCĐ mới được bãi nhiệm, miễn nhiệm Kiểm Soát Viên;
 - (i) BKS, thành viên BKS không được tiết lộ bí mật của Công Ty;
 - (j) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu (06) tháng của Công Ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HDQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên ĐHĐCĐ; Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HDQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HDQT hoặc ĐHĐCĐ;
 - (k) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công Ty;
 - (l) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công Ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 7.2 Điều Lệ này;

- (m) Khi có yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 7.2 của Điều Lệ, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông có yêu cầu;
- (n) Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty;
- (o) Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty;
- (p) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Giám đốc vi phạm quy định Điều 21 Điều Lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- (q) Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công Ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- (r) BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHCĐ;
- (s) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và nghị quyết của ĐHCĐ.

ĐIỀU 20: GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

- 20.1 Giám Đốc do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và được sự uỷ nhiệm đủ quyền hạn cần thiết để thi hành các quyết định của HĐQT. Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Giám Đốc Công Ty;
- 20.2 Giám Đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công Ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước Pháp Luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
- 20.3 Nhiệm kỳ của Giám Đốc tối đa là năm (05) năm, Giám Đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;
- 20.4 Giám Đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - (a) Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công Ty mà không thuộc thẩm quyền của HĐQT;
 - (b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT ;
 - (c) Tổ chức thực hiện, tiến hành và kiểm tra mọi hoạt động theo kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công Ty theo phương hướng và kế hoạch HĐQT giao, thay mặt HĐQT quản lý toàn bộ tài sản Công Ty;
 - (d) Thay mặt HĐQT ký kết các hợp đồng kinh tế có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công Ty;
 - (e) Thực hiện mọi chế độ chính sách và pháp luật nhà nước có liên quan đến hoạt động của Công Ty;
 - (f) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cất chức các chức danh quản lý trong Công Ty trừ các chức danh do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc cất chức;

- (g) Quyết định lương, phụ cấp (nếu có) đối với công nhân viên toàn Công Ty kể cả nhân viên quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám Đốc.
- (h) Tuyển dụng lao động;
- (i) Kiến nghị phương án trả cổ tức và xử lý lỗ trong kinh doanh;
- (j) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;
- (k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công Ty và nghị quyết của HĐQT.

ĐIỀU 21: NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

21.1 HĐQT, Giám Đốc và cán bộ quản lý khác của Công Ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau đây:

- (a) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh Nghiệp, Pháp Luật có liên quan, Điều Lệ, nghị quyết của ĐHCĐ;
- (b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, miễn cán, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công Ty;
- (c) Trung thành với lợi ích của Công Ty và Cổ Đông của Công Ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công Ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ hoặc Tài Sản của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- (d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp và doanh nghiệp mà người có liên quan của mình làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần, phần vốn góp chi phối.

21.2. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và bản Điều Lệ này.

ĐIỀU 22: THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT.

- 22.1 Công Ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT, trả lương, thưởng cho Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh;
- 22.2 Thù lao của thành viên HĐQT và BKS do ĐHCĐ quyết định và thông qua theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp;
- 22.3 Thù lao và tiền lương của Giám Đốc (hoặc Tổng Giám Đốc) và người quản lý khác do HĐQT quyết định theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

CHƯƠNG IV TỔNG KẾT – GIẢI THỂ - GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

ĐIỀU 23: TỔNG KẾT

- 23.1 Niên khoá hoạt động kinh doanh của Công Ty bắt đầu từ ngày 01/01 dương lịch và chấm dứt ngày 31/12 năm đó;
- 23.2 Công Ty chấp hành đầy đủ chế độ kế toán Công Ty Cổ phần. Báo cáo quyết toán năm được gửi tới HĐQT và BKS trước mười lăm (15) ngày để xem xét trước khi tổ chức ĐHCĐ.

ĐIỀU 24: GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY

24.1 Công Ty giải thể trong các trường hợp sau :

- (a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ mà không có quyết định gia hạn;
- (b) Theo quyết định của ĐHĐCĐ.

Trong trường hợp lỗ 3/4 Vốn Điều Lệ được ghi trong sổ sách kế toán của Công Ty, HĐQT, BKS hoặc nhóm Cổ Đông chiếm trên 10% số cổ phần có quyền đề nghị HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường để quyết định có nên giải thể Công Ty hay không.

- (c) Công Ty không còn đủ số lượng Cổ Đông tối thiểu theo quy định của Luật doanh nghiệp trong thời hạn sáu (06) tháng liên tục;
- (d) Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

24.2 Công Ty chỉ được giải thể khi đã thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. Trình tự, thủ tục thực hiện theo Luật Doanh nghiệp.

ĐIỀU 25: NGUYÊN TẮC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 25.1 Tranh chấp giữa các Cổ Đông trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hoà giải;
- 25.2 Trong trường hợp các bên tranh chấp vẫn không thỏa thuận được với nhau thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty là người đại diện cho Công Ty trước Pháp Luật trong các vụ Tranh Chấp và các hoạt động tố tụng.

CHƯƠNG V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

ĐIỀU 26: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- 26.1 Bản Điều Lệ sửa đổi bổ sung này đã được ĐHĐCĐ xem xét từng chương, từng điều và cùng ký tên chấp thuận toàn văn bản Điều Lệ.
- 26.2 Bản Điều Lệ này gồm 05 Chương, 26 Điều được lập thành mười (10) bản giá trị ngang nhau. Một (01) bản gửi tại phòng Công chứng. Năm (05) bản đăng ký tại các cơ quan chính quyền theo quy định, bốn (04) bản được lưu giữ tại trụ sở Công Ty.
- 26.3 Mọi sự sao chép, trích lục phải được ký xác nhận của Chủ tịch HĐQT, có dấu của Công Ty cùng có chữ Sao y bản chính hay một câu tương tự cũng sẽ có giá trị đối với Công Ty.
- 26.4 Mọi sửa đổi hay bổ sung Điều Lệ sau này phải do ĐHĐCĐ quyết định./.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống; trang ký tên là trang sau liền kề.]



CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP PHÁT
Đại diện theo pháp luật

LÂM THỊ TUYẾT HƯƠNG
Giám đốc

T D

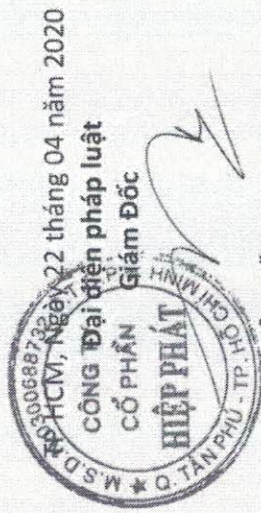
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP PHÁT

Địa chỉ: 324 Tân Kỳ Tân Quý, P. Sơn Kỳ, Q. Tân Phú, HCM.

Mệnh giá một cổ phần : 2.000.000 VNĐ

MSDN : 0300688732

STT	Họ & Tên	Địa chỉ	CMND/CCCD	Quốc tịch	Số CP sở hữu phổ thông
1	Lâm Đăng Trung	78 Trần Phú, P.4, Q.5, HCM	082062000120	Việt Nam	9,314
2	Bùi Thanh Nhu	-	020081364	Việt Nam	0
3	Trần Văn Bửu	-	020074710	Việt Nam	0
4	Lê Văn Trung	-	3105645500	Việt Nam	0
5	Lâm Thị Kim Tuyết	22B Cư xá Đô Thành, P4,Q3, HCM	022287417	Việt Nam	75
6	Lâm Hiền Hải	-	3100345534	Việt Nam	0
7	Lâm Mã Đăng	-	022000266	Việt Nam	0



LÂM ĐĂNG TRUNG